

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **105/2025/DS-ST**
Ngày 21 – 9 – 2025
V/v tranh chấp đòi lại tài sản, bồi
thường thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hồng.

2. Ông Hoàng Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp đòi lại tài sản, bồi thường thiệt hại về tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Q**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp B, xã X, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Mai Thị Ngọc N**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Hồ Thanh K**, sinh năm 1989. Địa chỉ (nơi ở hiện nay): Ấp B, xã X, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

2. Bà **Mai Thị Q1**, sinh năm 1977. Địa chỉ (nơi ở hiện nay): Ấp N, phường V, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Q trình bày và yêu cầu như sau:

Trước đây, bà Mai Thị Q1 được cha mẹ cho phần đất diện tích 2.226,6 m² tại thửa 2087, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03850, cấp ngày 13/8/2014 do Mai Thị Q1 đứng tên. Sau đó, bà Q1 chuyển nhượng cho ông Trần

Văn V một phần nhưng chưa tách quyền sử dụng đất. Phần đất này sau đó ông V chuyển nhượng lại cho bà Mai Thị Ngọc N và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị Nhà nước thu hồi diện tích 194,8 m² để thực hiện dự án công trình đường ô tô về Trung tâm xã T, huyện L (cũ). Còn lại diện tích 36,4 m², bà Mai Thị Q1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07750 ngày 25-5-2022 tại thửa 806, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang (cũ).

Ngày 18-10-2018, bà Mai Thị Q1 chuyển nhượng phần đất có diện tích 36,4 m² cho bà Mai Thị Ngọc N với giá 10.000.000 đồng. Thời điểm chuyển nhượng thì bà Q1 chưa được cấp giấy chứng nhận đối với phần đất này nên hai bên chỉ lập giấy viết tay, đã giao đất và nhận tiền xong. Do chưa có nhu cầu canh tác, sử dụng đất nên bà N để phần đất trống.

Sau khi đã chuyển nhượng cho bà N được một thời gian, do hoàn cảnh khó khăn nên đến ngày 23-01-2021, bà Mai Thị Q1 đến nhà bà Mai Thị Q để cúng đám giỗ cha. Khi đó, bà Q1 có kêu bà Q mua lại phần đất tại thửa số 806, diện tích 36,4 m² với giá 3.000.000 đồng, có làm giấy viết tay. Khi bà Q1 và bà Q thỏa thuận chuyển nhượng phần đất này thì bà Q1 không có nói với bà Q việc phần đất đã chuyển nhượng cho bà N. Do tin tưởng nên bà đã giao cho bà Q1 3.000.000 đồng và nhận đất để sử dụng.

Tháng 10 năm 2021, bà Mai Thị Q đầu tư xây dựng nhà tiền chế để mở tiệm tạp hóa trên phần đất đã nhận chuyển nhượng. Ngày 15-7-2022, bà chuyển nhượng phần đất này cho ông Hồ Thanh K với giá 60.000.000 đồng. Ông K đã đưa cho bà 45.000.000 đồng. Đến ngày 25-5-2022, bà Q1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD167816 đối với phần đất tại thửa số 806, tờ bản đồ số 7, diện tích 36,4 m². Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 14-6-2022 bà Q1 và bà N đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cơ sở giấy bán đất (viết tay) ngày 18-8-2018, hợp đồng được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực theo quy định. Ngày 15-11-2022, bà N được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Hậu Giang (cũ) xác nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 36,4 m².

Đến cuối năm 2022, bà N phát hiện bà Q đang sử dụng phần đất này và đã chuyển nhượng lại cho ông K nên đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang để giải quyết tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, nhận thấy có dấu hiệu tội phạm nên Tòa án đã chuyển hồ sơ sang Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện L, tỉnh Hậu Giang để xử lý theo quy định. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HS-ST ngày 06-02-2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (đã có hiệu lực pháp luật), đã công nhận và ổn định phần đất diện tích 36,4 m² tại thửa đất số 806, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang cho bà N sử dụng. Buộc bà Q phải tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình, vật kiến trúc, hoa màu trên đất để giao trả mặt bằng cho bà N. Về phần trách nhiệm dân sự mà bà Q yêu cầu bà N bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) chi phí đầu tư, cải tạo đất thì Tòa án tách ra giải quyết bằng một vụ án khác.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Mai Thị Q đã nhiều lần thỏa thuận

với bà Mai Thị Ngọc N về việc bồi thường số tiền 30.000.000 đồng chi phí đầu tư, cải tạo đất nhưng bà N không đồng ý hoàn trả. Xét thấy việc này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q nên bà làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Mai Thị Ngọc N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Mai Thị Q số tiền đã đầu tư, cải tạo đất là 30.000.000 đồng (phần đất có diện tích 36,4 m² thuộc thửa số 806, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13-8-2025, bà Mai Thị Q trình bày chi tiết từng khoản tiền mà bà yêu cầu bà Mai Thị Ngọc N phải bồi thường gồm 09 triệu đồng tiền mua đất ruộng đắp nền (đã gồm tiền xe, tiền công); tiền cát nền 20 khối với giá 270.000 đồng/khối thành tiền là 5.400.000 đồng; tiền xi măng 30 bao với giá 90.000 đồng/bao thành tiền là 2.700.000 đồng; tiền gạch ống 700 viên x 1.100 đồng/viên thành tiền là 770.000 đồng; tiền mua đá (1 x 2 cm) số lượng 2,5 khối x 250.000 đồng thành tiền là 625.000 đồng; 01 khối đá lớn với giá 250.000 đồng thành tiền là 250.000 đồng. Tiền công thì bà không có yêu cầu vì người nhà có làm cùng. Đồng thời, hiện trạng căn nhà trên đất hiện nay ông Hồ Thanh K đã tháo dỡ, di dời toàn bộ để giao đất cho bà Mai Thị Ngọc N; còn cái nền xi măng của bà làm thì vẫn còn và được giao cho bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Mai Thị Ngọc N trình bày:

Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Q. Về diễn biến quá trình giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quá trình quản lý, sử dụng đất như bà Q trình bày là đúng. Tuy nhiên, sự việc bà Mai Thị Q1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cùng 01 thửa đất nhưng chuyển nhượng 02 lần cho 02 người là bà và bà Q đã được Tòa án xét xử xong. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 806, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang được Tòa án ổn định cho bà sử dụng là vì bà đã nhận chuyển nhượng hợp pháp, không có làm gì gây thiệt hại cho bà Q nên không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Hiện nay, phần đất nêu trên đã được ông Hồ Thanh K tháo dỡ công trình kiến trúc để trả lại đất cho bà. Bà Q cho rằng bà được hưởng lợi từ việc bà Q đầu tư, cải tạo đất là không có căn cứ vì đất này bà nhận chuyển nhượng từ bà Q1 không có nhu cầu nâng nền làm nhà ở. Việc bà Q vào sử dụng phần đất mà bà đã nhận chuyển nhượng từ bà Q1 mà lại yêu cầu bà phải bồi thường chi phí đầu tư, cải tạo đất như trên là không hợp lý. Hơn nữa, bà đã bỏ tiền ra nhận chuyển nhượng hợp pháp đối với phần đất này, nhưng vì việc tranh chấp với bà Q, bà Q1 kéo dài nhiều năm đã làm thiệt hại cho bà rất nhiều chi phí, bà không đồng ý bồi thường cũng không hỗ trợ gì cho bà Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Q1 trình bày: Diễn biến quá trình sử dụng đất, giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên xảy ra đúng như bà Mai Thị Q, bà Mai Thị Ngọc N trình bày. Bản án hình sự số 03/2025/HS-ST ngày 06-02-2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đã xét xử có hiệu lực pháp luật và bà đang chấp hành án treo. Việc bà bị kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nhiều người như bản án nêu thì bà đã nhận thức được. Bà

không có ý kiến gì trong việc giải quyết vụ án này.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh K: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Hồ Thanh K. Tuy nhiên, ông K không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút về việc buộc bị đơn bà Mai Thị Ngọc N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Mai Thị Q số tiền đã đầu tư, cải tạo đất 11.255.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Mai Thị Ngọc N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Mai Thị Q số tiền đã đầu tư, cải tạo đất là 18.745.000 đồng (phần đất có diện tích 36,4 m² thuộc thửa số 806, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang)..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường N, thành phố Cần Thơ, hoàn trả chi phí và bồi thường thiệt hại vì đã đầu tư, cải tạo phần đất mà bị đơn được giao sử dụng. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ có thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật cần giải quyết được xác định về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản, bồi thường thiệt hại về tài sản*” là đúng theo quy định tại các khoản 2, 6 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn bà Mai Thị Ngọc N hoàn trả chi phí, bồi thường thiệt hại do đầu tư, cải tạo phần đất mà bà N được sử dụng, số tiền 11.255.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận với nhau về diễn biến quá trình sử dụng đất, giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Mai Thị Q1 với bà

Mai Thị Ngọc N và bà Mai Thị Q, giữa bà Mai Thị Q với ông Hồ Thanh K. Đồng thời, toàn bộ sự việc đã được điều tra làm rõ và xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật (Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HS-ST ngày 06-02-2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang). Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[6] Trong vụ án bà Mai Thị Q1 bị truy tố, xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, Bản án số 03/2025/HS-ST ngày 06-02-2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đã xác định người có hành vi trái pháp luật, gây thiệt hại trong trường hợp này là bà Mai Thị Q1. Bởi vì, cùng một diện tích đất, bà Q1 đã xác lập giao dịch chuyển nhượng cho bà Mai Thị Ngọc N và bà Mai Thị Q. Trong đó, giao dịch với bà N được xác định là giao dịch hợp pháp, được công nhận nên phần đất được ổn định cho bà N sử dụng nhưng vì bà Q đã nhận đất, đầu tư, cải tạo, sử dụng một thời gian nên bà cho rằng việc giao đất trả lại cho bà N làm tổn thất phần chi phí này. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà Q không yêu cầu người có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại là bà Mai Thị Q1 phải thực hiện bồi thường mà lại yêu cầu bà Mai Thị Ngọc N phải bồi thường cho bà là không có căn cứ pháp luật, theo quy định tại Điều 584 của Bộ luật Dân sự.

[7] Xét về lợi ích và tổn thất thực tế: Sau khi tiếp quản phần đất, bà Q đã bồi đắp nền, xây dựng nhà công trình trên đất nhưng chỉ một thời gian sau đó bà đã chuyển nhượng toàn bộ nhà, đất này cho ông Hồ Thanh K. Thực tế bà Q đã nhận của ông Hồ Thanh K số tiền 45.000.000 đồng. Đồng thời, bản án hình sự nêu trên của Tòa án cũng giải quyết buộc bà Q1 trả lại cho bà Q số tiền đã giao dịch là 3.000.000 đồng. Trong khi đó, phần chi phí đã bỏ ra để đầu tư, cải tạo đất mà bà Q kê trong vụ án này là 18.745.000 đồng. So với lợi ích nhận được qua các lần giao dịch nêu trên thì bà Q không có tổn thất. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Mai Thị Q là nguyên đơn, có nghĩa vụ chứng minh (theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự) nhưng bà cũng không cung cấp được giấy tờ, tài liệu nào chứng minh cho chi phí đầu tư, cải tạo đất như lời trình bày của bà là có căn cứ.

[8] Xét lời trình bày của nguyên đơn cho rằng bị đơn bà Mai Thị Ngọc N chỉ nhận chuyển nhượng phần quyền sử dụng đất, chưa bỏ ra chi phí cải tạo nhưng được hưởng lợi từ việc nguyên đơn đầu tư, cải tạo đất, thấy rằng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Mai Thị Ngọc N phản đối cho rằng bản thân chưa có nhu cầu, nhưng nguyên đơn đã xây dựng nền bê tông trên đất, không những không được hưởng lợi mà việc này còn cản trở việc sử dụng đất của bị đơn, khi có nhu cầu phải bỏ chi phí để tháo dỡ. HĐXX xét thấy phản đối của bị đơn là có cơ sở, bởi vì lợi ích được hưởng từ việc đầu tư vào đất phải căn cứ vào mục đích của người sử dụng đất. Mặt khác, nếu bị đơn được hưởng lợi trong trường hợp này cũng là hưởng lợi trên cơ sở giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công nhận là hợp pháp, không thuộc trường hợp hưởng lợi không có căn cứ pháp luật nên không làm phát sinh nghĩa vụ hoàn trả chi phí cho nguyên đơn.

[9] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm là có cơ sở, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà Mai Thị Q là người cao tuổi và có yêu cầu nên được miễn nộp án phí, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 2, khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 579, Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Q đã rút về việc buộc bị đơn bà Mai Thị Ngọc N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Mai Thị Q số tiền đã đầu tư, cải tạo đất 11.255.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Q về việc buộc bị đơn bà Mai Thị Ngọc N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Mai Thị Q số tiền đã đầu tư, cải tạo đất là 18.745.000 đồng đối với phần đất có diện tích 36,4 m² thuộc thửa số 806, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang (cũ).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Mai Thị Q phải chịu án phí nhưng được miễn nộp.
- Bị đơn bà Mai Thị Ngọc N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời

hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm